TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 23 - 4 - 2026

"V/v *Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Ông Dương Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hoà Xuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh – kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Trâm A, sinh năm 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Võ Minh H, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

(Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực B, công an Thành Phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Lưu Thị Trâm A trình bày:

Vào năm 2024, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Võ Minh H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long) ngày 18/11/2024. Trong quá trình chung sống chị và anh Võ Minh H có 01 con chung tên: Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024, hiện nay con chung đang sống chung với chị. Về tài sản chung và nợ chung: không

có. Nguyên nhân mâu thuẫn: do chị không còn tình cảm với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể sống chung với nhau.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Minh H.

- Về con chung: chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên: Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024 và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2026 bị đơn anh Võ Minh H trình bày:

Vào năm 2024 anh có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Lưu Thị Trâm A và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long) ngày 18/11/2024. Trong quá trình chung sống anh và chị T Anh có 01 con chung tên: Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024, hiện nay con chung đang sống chung với chị Trâm A. Tài sản chung và nợ chung: không có. Do chị Trâm A xin ly hôn. Ý kiến của anh như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Lưu Thị Trâm A.

- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung là Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024 cho chị Trâm A trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về hôn nhân: Anh H và chị Trâm A thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị Trâm A thống nhất giao con chung là Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024 cho chị Trâm A trực tiếp nuôi dưỡng và anh Võ Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trâm A không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Trâm A thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Trâm A. Chấp nhận cho nguyên đơn chị Lưu Thị Trâm A được ly hôn với bị đơn anh Võ Minh H. Về con chung giao cho chị Trâm A trực tiếp nuôi con chung là Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024 và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trâm A không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lưu Thị Trâm A và anh Võ Minh H khai không có nên không đặt ra xem xét. Buộc chị Trâm A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn Chị Lưu Thị Trâm A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh H. Đồng thời bị đơn anh Võ Minh H có địa chỉ tại ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt Chị Lưu Thị Trâm A và anh Võ Minh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Lưu Thị Trâm A và anh Võ Minh H khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long) ngày 18/11/2024. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long) ngày 18/11/2024 nên xác định hôn

nhân giữa chị Trâm A và anh H là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị Trâm A trình bày do vợ chồng sống chung không hợp, không còn tình cảm với anh H nên xin ly hôn. Đồng thời anh H cũng có lời khai đồng ý ly hôn với chị Trâm A. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trâm A là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lưu Thị Trâm A và anh Võ Minh H khai có 01 con chung tên: Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024, chị Trâm A yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Bản tự khai anh H cũng đồng ý giao con cho chị T Anh nuôi. Từ khi sinh ra đến nay chị Trâm A là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con, anh H lại đang bị tạm giam. Do đó việc giao con cho chị Trâm A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trâm A giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Trâm A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề cấp dưỡng.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Trâm A và anh H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lưu Thị Trâm A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Võ Minh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị Trâm A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Lưu Thị Trâm A được ly hôn với bị đơn anh Võ Minh H.

2. Về con chung: Chị Lưu Thị Trâm A và anh Võ Minh H có 01 người con chung tên Võ Ngọc L, sinh ngày 01/10/2024. Chị Trâm A và anh H thống nhất giao con chung cho chị Trâm A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án đã giải thích cho chị Trâm A về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị Trâm A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trchị nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người khchị trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lưu Thị Trâm A và anh Võ Minh H khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Trâm A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003887 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Lưu Thị Trâm A đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12- Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung- Dương Thanh Tuấn **Võ Thị Ngọc Quyền**